

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 1 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -1

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000001	Cao Khánh An	11 TOÁN	29/12/2009	Nữ			
2	11000002	Đình Trần Khánh An	11 A1	30/09/2009	Nữ			
3	11000003	Đoàn Huy An	11 SỬ 1	21/03/2009	Nam			
4	11000004	Hà Di An	11 ANH 2	09/12/2009	Nữ			
5	11000005	Huỳnh Tố An	11 VĂN 1	22/09/2009	Nữ			
6	11000006	Lê Chúc An	11 NHẬT	18/03/2009	Nữ			
7	11000007	Lê Lượng An	11 ANH 2	13/01/2009	Nam			
8	11000008	Nguyễn Đức An	11 NHẬT	23/07/2009	Nam			
9	11000009	Nguyễn Đức Khánh An	11 II	31/01/2009	Nam			
10	11000010	Nguyễn Khánh An	11 SONG NGŨ	16/08/2009	Nữ			
11	11000011	Nguyễn Phạm Minh An	11 ĐỊA 2	19/11/2009	Nữ			
12	11000012	Nguyễn Thành An	11 A1	01/07/2009	Nam			
13	11000013	Nguyễn Thúy An	11 ANH 2	05/01/2009	Nữ			
14	11000014	Nguyễn Thùy An	11 PHÁP	21/03/2009	Nữ			
15	11000015	Nguyễn Tú An	11 VĂN 1	24/12/2009	Nữ			
16	11000016	Trần Đình An	11 LÝ	14/01/2009	Nam			
17	11000017	Trần Minh Hà An	11 HÓA	13/10/2009	Nữ			
18	11000018	Trần Vi An	11 ANH 1	27/09/2009	Nữ			
19	11000019	Trịnh Đỗ Bảo An	11 SỬ 1	16/08/2009	Nữ			
20	11000020	Bùi Châu Anh	11 SỬ 1	18/10/2009	Nữ			
21	11000021	Bùi Đức Anh	11 ĐỊA 2	09/06/2009	Nam			
22	11000022	Bùi Thảo Anh	11 LÝ	11/08/2009	Nữ			
23	11000023	Bùi Trâm Anh	11 SỬ 2	18/01/2009	Nữ			
24	11000024	Bùi Trang Anh	11 NHẬT	03/06/2009	Nữ			
25	11000025	Cần Mỹ Anh	11 A3	23/05/2009	Nữ			
26	11000026	Cao Linh Anh	11 ANH 2	31/07/2009	Nữ			
27	11000027	Chu Lan Anh	11 TIN	20/04/2009	Nữ			
28	11000028	Chu Ngọc Anh	11 A1	08/05/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 2 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -2

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000029	Đàm Phan Anh	11 SINH 1	11/05/2009	Nam			
2	11000030	Đặng Châu Anh	11 HÓA	09/11/2009	Nữ			
3	11000031	Đặng Trần Đức Anh	11 SONG NGŨ	11/12/2009	Nam			
4	11000032	Đào Diệu Anh	11 VĂN 1	29/10/2009	Nữ			
5	11000033	Đào Hà Anh	11 VĂN 2	10/04/2009	Nữ			
6	11000034	Đào Nam Anh	11 ANH 1	01/09/2009	Nam			
7	11000035	Đinh Bảo Hà Anh	11 VĂN 1	04/12/2009	Nữ			
8	11000036	Đinh Quang Anh	11 NHẬT	07/11/2009	Nam			
9	11000037	Đỗ Châu Anh	11 VĂN 2	12/05/2009	Nữ			
10	11000038	Đỗ Đặng Nam Anh	11 A2	05/03/2009	Nam			
11	11000039	Đỗ Đức Anh	11 A1	26/01/2009	Nam			
12	11000040	Đỗ Huyền Anh	11 A1	24/04/2009	Nữ			
13	11000041	Đỗ Phương Anh	11 SINH 2	23/11/2009	Nữ			
14	11000042	Đỗ Quang Anh	11 SINH 2	11/10/2009	Nam			
15	11000043	Đỗ Quỳnh Anh	11 SINH 1	30/04/2009	Nữ			
16	11000044	Đoàn Ngọc Quỳnh Anh	11 A2	26/08/2009	Nữ			
17	11000045	Dương Châu Anh	11 SINH 1	01/12/2009	Nữ			
18	11000046	Dương Duy Anh	11 NHẬT	25/10/2009	Nam			
19	11000047	Hà Ngọc Bảo Anh	11 ĐỊA 1	04/01/2009	Nam			
20	11000048	Hồ Minh Anh	11 A2	01/01/2009	Nữ			
21	11000049	Hồ Quý Anh	11 NHẬT	01/11/2009	Nữ			
22	11000050	Hoàng Diệp Anh	11 SINH 2	25/09/2009	Nữ			
23	11000051	Hoàng Nam Anh	11 A2	04/09/2009	Nam			
24	11000052	Hoàng Nam Anh	11 I1	26/01/2009	Nam			
25	11000053	Hoàng Phương Anh	11 VĂN 2	21/11/2009	Nữ			
26	11000054	Lê Lan Anh	11 SONG NGŨ	13/11/2009	Nữ			
27	11000055	Lê Quang Anh	11 I1	11/12/2009	Nam			
28	11000056	Lê Thị Minh Anh	11 VĂN 2	14/08/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 3 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -3

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000057	Lê Trần Anh	11 TOÁN	10/02/2009	Nam			
2	11000058	Lê Việt Anh	11 SONG NGỮ	11/10/2009	Nam			
3	11000059	Luân Mạc Quỳnh Anh	11 A2	15/12/2009	Nữ			
4	11000060	Mai Diệu Anh	11 VĂN 2	06/10/2009	Nữ			
5	11000061	Ngô Hà Anh	11 ĐỊA 2	04/11/2009	Nữ			
6	11000062	Ngô Ngọc Anh	11 LÝ	13/01/2009	Nam			
7	11000063	Nguyễn Đăng Minh Anh	11 D1	28/04/2009	Nữ			
8	11000064	Nguyễn Đăng Thái Anh	11 D2	19/11/2009	Nam			
9	11000065	Nguyễn Diệu Anh	11 D2	25/10/2009	Nữ			
10	11000066	Nguyễn Diệu Anh	11 SỬ 1	29/11/2009	Nữ			
11	11000067	Nguyễn Đức Anh	11 NHẬT	04/03/2009	Nam			
12	11000068	Nguyễn Đức Anh	11 TOÁN	15/08/2009	Nam			
13	11000069	Nguyễn Đức Anh	11 SỬ 2	22/02/2009	Nam			
14	11000070	Nguyễn Hà Anh	11 NHẬT	05/09/2009	Nữ			
15	11000071	Nguyễn Hà Anh	11 SINH 2	05/04/2009	Nữ			
16	11000072	Nguyễn Hà Anh	11 ANH 1	03/06/2009	Nữ			
17	11000073	Nguyễn Hà Châu Anh	11 SONG NGỮ	25/10/2009	Nữ			
18	11000074	Nguyễn Hồ Hồng Anh	11 II	19/06/2009	Nam			
19	11000075	NGUYỄN HOÀI ANH	11 ANH 2	25/04/2009	Nữ			
20	11000076	Nguyễn Hồng Anh	11 NHẬT	30/05/2009	Nam			
21	11000077	Nguyễn Hồng Bảo Anh	11 NHẬT	30/11/2009	Nữ			
22	11000078	Nguyễn Hữu Bảo Anh	11 ĐỊA 1	18/02/2009	Nam			
23	11000079	Nguyễn Mai Anh	11 TOÁN	30/04/2009	Nữ			
24	11000080	Nguyễn Minh Anh	11 NHẬT	21/12/2009	Nữ			
25	11000081	Nguyễn Minh Anh	11 VĂN 1	09/05/2009	Nữ			
26	11000082	Nguyễn Ngọc Anh	11 SỬ 1	27/09/2009	Nữ			
27	11000083	Nguyễn Ngọc Hà Anh	11 VĂN 1	02/03/2009	Nữ			
28	11000084	Nguyễn Ngọc Minh Anh	11 ĐỊA 2	30/08/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 4 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -4

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000085	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11 VĂN 2	14/08/2009	Nữ			
2	11000086	Nguyễn Nhật Đức Anh	11 A1	14/11/2009	Nam			
3	11000087	Nguyễn Phạm Châu Anh	11 HÓA	31/12/2009	Nữ			
4	11000088	Nguyễn Phương Anh	11 A3	28/10/2009	Nữ			
5	11000089	Nguyễn Phương Anh	11 D2	12/06/2009	Nữ			
6	11000090	Nguyễn Phương Anh	11 SINH 2	19/07/2009	Nữ			
7	11000091	Nguyễn Phương Mỹ Anh	11 VĂN 2	20/07/2009	Nữ			
8	11000092	Nguyễn Quang Anh	11 LÝ	26/07/2009	Nam			
9	11000093	Nguyễn Quốc Anh	11 ĐỊA 2	09/02/2009	Nam			
10	11000094	Nguyễn Quỳnh Anh	11 D1	18/01/2009	Nữ			
11	11000095	Nguyễn Quỳnh Anh	11 D1	09/10/2009	Nữ			
12	11000096	Nguyễn Quỳnh Anh	11 VĂN 1	29/12/2009	Nữ			
13	11000097	Nguyễn Tâm Anh	11 VĂN 1	02/09/2009	Nữ			
14	11000098	Nguyễn Thị Minh Anh	11 HÓA	02/03/2009	Nữ			
15	11000099	Nguyễn Tô Anh	11 NHẬT	17/05/2009	Nữ			
16	11000100	Nguyễn Trần Hoài Anh	11 ĐỊA 2	29/06/2009	Nữ			
17	11000101	Nguyễn Tú Anh	11 A3	26/12/2009	Nữ			
18	11000102	Nguyễn Tú Anh	11 SINH 1	28/11/2009	Nữ			
19	11000103	Nguyễn Tuệ Anh	11 I2	01/05/2009	Nữ			
20	11000104	Nguyễn Việt Anh	11 NHẬT	04/04/2009	Nam			
21	11000105	Nguyễn Việt Thoại Anh	11 A3	06/10/2009	Nữ			
22	11000106	Ninh Nguyễn Minh Anh	11 A2	15/11/2009	Nữ			
23	11000107	Phạm Huyền Trang Anh	11 I2	28/11/2009	Nữ			
24	11000108	Phạm Lan Anh	11 NHẬT	22/03/2009	Nữ			
25	11000109	Phạm Lưu Ngân Anh	11 VĂN 2	09/12/2009	Nữ			
26	11000110	Phạm Nguyễn Hà Anh	11 NHẬT	11/07/2009	Nữ			
27	11000111	Phạm Quỳnh Anh	11 NHẬT	29/01/2009	Nữ			
28	11000112	Phạm Quỳnh Anh	11 VĂN 2	11/11/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 5 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -5

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000113	Phạm Tiến Huy Anh	11 A3	26/12/2009	Nam			
2	11000114	Phan Minh Anh	11 ANH 2	01/03/2009	Nữ			
3	11000115	Phùng Bảo Anh	11 VĂN 1	20/05/2009	Nữ			
4	11000116	Phùng Minh Anh	11 NHẬT	03/01/2009	Nữ			
5	11000117	Phùng Phương Anh	11 A2	03/01/2009	Nữ			
6	11000118	Tạ Đức Anh	11 SỬ 1	06/10/2009	Nam			
7	11000119	Tổng Hà Anh	11 SINH 1	02/08/2009	Nữ			
8	11000120	Trần Diệu Anh	11 PHÁP	29/11/2009	Nữ			
9	11000121	Trần Đức Anh	11 SỬ 2	03/11/2009	Nam			
10	11000122	Trần Lâm Anh	11 ĐỊA 1	05/07/2009	Nam			
11	11000123	Trần Lê Thụy Anh	11 D2	05/05/2009	Nữ			
12	11000124	Trần Minh Bảo Anh	11 LÝ	03/04/2009	Nữ			
13	11000125	Trần Nam Anh	11 NHẬT	04/12/2009	Nam			
14	11000126	Trần Nguyễn Bảo Anh	11 A3	05/10/2009	Nam			
15	11000127	Trần Nhị Anh	11 D1	13/09/2009	Nữ			
16	11000128	Trần Phan Anh	11 TIN	12/06/2009	Nam			
17	11000129	Trần Phương Anh	11 A2	19/07/2009	Nữ			
18	11000130	Trần Thy Anh	11 D1	15/10/2009	Nữ			
19	11000131	Trần Việt Anh	11 ĐỊA 2	28/01/2009	Nam			
20	11000132	Trần Vy Anh	11 SONG NGŨ	09/11/2009	Nữ			
21	11000133	Trịnh Châu Anh	11 SỬ 2	30/08/2009	Nữ			
22	11000134	Trịnh Thùy Anh	11 SONG NGŨ	31/01/2009	Nữ			
23	11000135	Trương Lan Anh	11 D1	19/01/2009	Nữ			
24	11000136	Trương Minh Anh	11 II	12/10/2009	Nữ			
25	11000137	Trương Ngọc Anh	11 SỬ 1	28/09/2009	Nữ			
26	11000138	Trương Quỳnh Anh	11 ĐỊA 1	05/04/2009	Nữ			
27	11000139	Trương Quỳnh Anh	11 ĐỊA 1	30/12/2009	Nữ			
28	11000140	Võ Ngân Anh	11 VĂN 2	11/11/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 6 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -6

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000141	Vũ Đỗ Quỳnh Anh	11 ĐỊA 1	04/07/2009	Nữ			
2	11000142	Vũ Đức Anh	11 A3	07/03/2009	Nam			
3	11000143	Vũ Đức Anh	11 TIN	28/04/2009	Nam			
4	11000144	Vũ Duy Bảo Anh	11 SỬ 2	04/10/2009	Nam			
5	11000145	Vũ Hà Anh	11 A2	26/09/2009	Nữ			
6	11000146	Vũ Hà Anh	11 PHÁP	11/12/2009	Nữ			
7	11000147	Vũ Nam Anh	11 A3	19/06/2009	Nam			
8	11000148	Vũ Phương Anh	11 NHẬT	16/01/2009	Nữ			
9	11000149	Vũ Tuệ Anh	11 SỬ 1	10/09/2009	Nữ			
10	11000150	Vương Hoàng Anh	11 A1	19/08/2009	Nữ			
11	11000151	Đặng Hồng Ánh	11 D2	12/03/2009	Nữ			
12	11000152	Lê Uy Bá	11 SINH 2	14/09/2009	Nam			
13	11000153	Đỗ Gia Bách	11 ĐỊA 1	21/05/2009	Nam			
14	11000154	Lê Việt Bách	11 SINH 1	23/10/2009	Nam			
15	11000155	Ma Thành Bách	11 TIN	14/10/2009	Nam			
16	11000156	Nguyễn Gia Bách	11 D2	14/04/2009	Nam			
17	11000157	Nguyễn Hoàng Chí Bách	11 SINH 2	13/01/2009	Nam			
18	11000158	Nguyễn Khắc Hải Bách	11 A1	12/12/2009	Nam			
19	11000159	Nguyễn Việt Bách	11 A2	30/01/2009	Nam			
20	11000160	Phạm Hoàng Bách	11 SỬ 2	16/12/2009	Nam			
21	11000161	Phạm Thành Tuấn Bách	11 PHÁP	20/05/2009	Nam			
22	11000162	Trần Đào Gia Bách	11 SỬ 1	30/10/2009	Nam			
23	11000163	Trần Gia Bách	11 ANH 2	17/05/2009	Nam			
24	11000164	Đình Gia Bảo	11 D1	17/04/2009	Nam			
25	11000165	Hoàng Kim Bảo	11 A3	01/01/2009	Nam			
26	11000166	Mai Quốc Bảo	11 SONG NGỮ	28/05/2009	Nam			
27	11000167	Nguyễn Lê Quốc Bảo	11 TOÁN	16/11/2009	Nam			
28	11000168	Nguyễn Quốc Bảo	11 LÝ	08/04/2009	Nam			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 7 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -7

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000169	Nguyễn Thái Bảo	11 TOÁN	21/10/2009	Nam			
2	11000170	Phạm Đình Bảo	11 SONG NGỮ	16/08/2009	Nam			
3	11000171	Phí Ngọc Bảo	11 II	02/10/2009	Nam			
4	11000172	Trần Gia Bảo	11 A3	27/05/2009	Nữ			
5	11000173	Huỳnh Ngọc Bích	11 SỬ 2	14/09/2009	Nữ			
6	11000174	Đỗ Gia Bình	11 ĐỊA 2	05/08/2009	Nữ			
7	11000175	Lưu Huy Bình	11 ANH 2	28/10/2009	Nữ			
8	11000176	Nguyễn Thanh Bình	11 VĂN 1	10/06/2009	Nữ			
9	11000177	Trần Đăng Gia Bình	11 ANH 1	12/08/2009	Nam			
10	11000178	Đào Bảo Châu	11 ĐỊA 2	14/08/2009	Nữ			
11	11000179	Đỗ Bảo Minh Châu	11 A1	10/10/2009	Nữ			
12	11000180	Dương Minh Châu	11 SINH 2	07/03/2009	Nữ			
13	11000181	Hoàng Bảo Châu	11 SỬ 2	26/02/2009	Nữ			
14	11000182	Hoàng Minh Châu	11 VĂN 2	15/02/2009	Nữ			
15	11000183	Lưu Diệu Châu	11 A3	24/08/2009	Nữ			
16	11000184	Nguyễn Bảo Châu	11 HÓA	30/11/2009	Nữ			
17	11000185	Nguyễn Minh Châu	11 LÝ	17/01/2009	Nữ			
18	11000186	Nguyễn Minh Châu	11 VĂN 1	03/01/2009	Nữ			
19	11000187	Nguyễn Trần Bảo Châu	11 ANH 1	18/11/2009	Nữ			
20	11000188	Thạch Đức Minh Châu	11 A2	07/10/2009	Nam			
21	11000189	Triệu Minh Châu	11 SINH 1	13/03/2009	Nữ			
22	11000190	Vũ Bảo Châu	11 VĂN 1	18/08/2009	Nữ			
23	11000191	Bùi Linh Chi	11 ĐỊA 1	19/08/2009	Nữ			
24	11000192	Cao Linh Chi	11 VĂN 1	17/07/2009	Nữ			
25	11000193	Đặng Thảo Chi	11 PHÁP	27/01/2009	Nữ			
26	11000194	Đào Hạnh Chi	11 ANH 2	12/04/2009	Nữ			
27	11000195	Đỗ Quỳnh Chi	11 ĐỊA 1	20/11/2009	Nữ			
28	11000196	Đoàn Phương Chi	11 VĂN 2	28/12/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 8 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -8

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000197	Dương Khánh Chi	11 SINH 1	17/02/2009	Nữ			
2	11000198	Hoàng Hà Chi	11 SINH 2	22/03/2009	Nữ			
3	11000199	Hoàng Lương Khánh Chi	11 VĂN 2	26/06/2009	Nữ			
4	11000200	Hoàng Ngọc Linh Chi	11 ĐỊA 1	10/09/2009	Nữ			
5	11000201	Hoàng Vũ Thảo Chi	11 SINH 2	06/09/2009	Nữ			
6	11000202	Kiều Uyên Chi	11 SINH 1	13/01/2009	Nữ			
7	11000203	Lê Nguyễn Hà Chi	11 SINH 1	15/11/2009	Nữ			
8	11000204	Lê Thảo Chi	11 SỬ 1	23/12/2009	Nữ			
9	11000205	Lê Tường Chi	11 A2	09/01/2009	Nữ			
10	11000206	Lương Linh Chi	11 ĐỊA 1	25/06/2009	Nữ			
11	11000207	Mai Hà Chi	11 A1	09/11/2009	Nữ			
12	11000208	Ngô An Chi	11 D2	31/12/2009	Nữ			
13	11000209	Nguyễn Hà Chi	11 D2	17/02/2009	Nữ			
14	11000210	Nguyễn Hà Chi	11 VĂN 1	01/06/2009	Nữ			
15	11000211	Nguyễn Hà Chi	11 PHÁP	09/11/2009	Nữ			
16	11000212	Nguyễn Khánh Chi	11 PHÁP	23/03/2009	Nữ			
17	11000213	Nguyễn Linh Chi	11 VĂN 2	11/05/2009	Nữ			
18	11000214	Nguyễn Mai Chi	11 A3	04/01/2009	Nữ			
19	11000215	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	11 ANH 2	07/01/2009	Nữ			
20	11000216	Nguyễn Phương Chi	11 SỬ 2	29/06/2009	Nữ			
21	11000217	Nguyễn Quế Chi	11 D2	03/11/2009	Nữ			
22	11000218	Nguyễn Quỳnh Chi	11 D1	07/09/2009	Nữ			
23	11000219	Nguyễn Quỳnh Chi	11 NHẬT	06/01/2009	Nữ			
24	11000220	Nguyễn Quỳnh Chi	11 PHÁP	22/10/2009	Nữ			
25	11000221	Nguyễn Thị Cẩm Chi	11 TOÁN	19/06/2009	Nữ			
26	11000222	Nguyễn Uyên Chi	11 I2	23/02/2009	Nữ			
27	11000223	Phạm Bảo Chi	11 A1	20/11/2009	Nữ			
28	11000224	Phạm Diệp Chi	11 SỬ 2	07/10/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 9 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -9

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000225	Phạm Khánh Chi	11 ĐỊA 2	07/10/2009	Nữ			
2	11000226	Phạm Mai Chi	11 A1	20/02/2009	Nữ			
3	11000227	Trần Mỹ Phương Chi	11 HÓA	13/08/2009	Nữ			
4	11000228	Trần Nguyễn Hà Chi	11 ĐỊA 2	09/05/2009	Nữ			
5	11000229	Trương Tường Chi	11 A2	29/08/2009	Nữ			
6	11000230	Từ Bảo Chi	11 VĂN 1	26/10/2009	Nữ			
7	11000231	Vũ Khánh Chi	11 NHẬT	17/10/2009	Nữ			
8	11000232	Vũ Trần Khánh Chi	11 NHẬT	28/06/2009	Nữ			
9	11000233	Vương Quỳnh Chi	11 A3	09/10/2009	Nữ			
10	11000234	Phạm Bảo Chính	11 A1	19/01/2009	Nam			
11	11000235	Khương Đình Hoàng Chương	11 A2	21/05/2009	Nam			
12	11000236	Công Tuấn Cường	11 SONG NGỮ	15/02/2009	Nam			
13	11000237	Nguyễn Đức Cường	11 SONG NGỮ	13/02/2009	Nam			
14	11000238	Nguyễn Phú Cường	11 TIN	02/03/2009	Nam			
15	11000239	Phạm Hải Đăng	11 ĐỊA 1	15/06/2009	Nam			
16	11000240	Trần Minh Đăng	11 SỬ 2	29/09/2009	Nam			
17	11000241	Ngô Anh Đào	11 A1	29/04/2009	Nữ			
18	11000242	Phạm Thành Đạt	11 TIN	15/05/2009	Nam			
19	11000243	Đặng Bích Diệp	11 TOÁN	11/08/2009	Nữ			
20	11000244	Ngô Thị Minh Diệp	11 ANH 2	27/12/2009	Nữ			
21	11000245	Nguyễn Ngọc Diệp	11 A1	23/01/2009	Nữ			
22	11000246	Nguyễn Quang Minh Đồng	11 SONG NGỮ	20/01/2009	Nam			
23	11000247	Bùi Đăng Đức	11 TOÁN	16/07/2009	Nam			
24	11000248	Đặng Minh Đức	11 SỬ 2	15/09/2009	Nam			
25	11000249	Nguyễn Minh Đức	11 A1	12/09/2009	Nam			
26	11000250	Phạm Hoàng Đức	11 ĐỊA 1	25/08/2009	Nam			
27	11000251	Phan Trọng Trí Đức	11 ANH 1	10/10/2009	Nam			
28	11000252	Trương Hồng Đức	11 ANH 2	08/11/2009	Nam			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -10

Phòng thi số: 10 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000253	Trần Nguyễn Hoàng Dung	11 SỬ 2	21/05/2009	Nữ			
2	11000254	Đặng Trí Dũng	11 A1	05/08/2009	Nam			
3	11000255	Hoàng Trí Dũng	11 ANH 2	25/10/2009	Nam			
4	11000256	Lưu Trí Dũng	11 ANH 2	17/06/2009	Nam			
5	11000257	Ngô Huy Dũng	11 SỬ 1	24/10/2009	Nam			
6	11000258	Nguyễn Anh Dũng	11 ANH 1	08/05/2009	Nam			
7	11000259	Nguyễn Minh Dũng	11 TIN	03/04/2009	Nam			
8	11000260	Nguyễn Quang Dũng	11 HÓA	28/09/2009	Nam			
9	11000261	Nguyễn Thế Dũng	11 HÓA	10/11/2009	Nam			
10	11000262	Phạm Khắc Dũng	11 TIN	01/10/2009	Nam			
11	11000263	Bùi Thùy Dương	11 D1	20/10/2009	Nữ			
12	11000264	Bùi Tuấn Dương	11 SONG NGỮ	13/02/2009	Nam			
13	11000265	Đặng Ánh Dương	11 A3	17/01/2009	Nữ			
14	11000266	Đoàn Đức Dương	11 PHÁP	04/09/2009	Nam			
15	11000267	Dương Thùy Dương	11 VĂN 2	08/03/2009	Nữ			
16	11000268	Hoàng Dương	11 SONG NGỮ	23/07/2009	Nam			
17	11000269	Lương Thùy Dương	11 ANH 1	05/12/2009	Nữ			
18	11000270	Nguyễn Minh Dương	11 ANH 1	25/09/2009	Nam			
19	11000271	Đình Thái Duy	11 NHẬT	14/03/2009	Nam			
20	11000272	Nguyễn Đạt Duy	11 SỬ 2	10/02/2009	Nam			
21	11000273	Nguyễn Đức Duy	11 ANH 2	31/07/2009	Nam			
22	11000274	Nguyễn Mạnh Duy	11 A3	04/04/2009	Nam			
23	11000275	Đình Thu Giang	11 SONG NGỮ	18/06/2009	Nữ			
24	11000276	Nguyễn Hạ Giang	11 LÝ	06/02/2009	Nữ			
25	11000277	Nguyễn Hương Giang	11 A2	20/07/2009	Nữ			
26	11000278	Nguyễn Thu Giang	11 PHÁP	23/12/2009	Nữ			
27	11000279	Phạm Hoàng Giang	11 ĐỊA 1	12/10/2009	Nam			
28	11000280	Trịnh Kim Giao	11 ĐỊA 1	04/03/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -11

Phòng thi số: 11 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000281	Chu Ngọc Vân Hà	11 D2	11/01/2009	Nữ			
2	11000282	Đặng Ngân Hà	11 PHÁP	22/09/2009	Nữ			
3	11000283	Đinh Việt Hà	11 A1	08/08/2009	Nữ			
4	11000284	Lê Nguyễn Thanh Hà	11 ĐỊA 2	28/10/2009	Nữ			
5	11000285	Nghiêm Đỗ Minh Hà	11 A2	29/05/2009	Nữ			
6	11000286	Ngô Lê Việt Hà	11 D1	24/09/2009	Nam			
7	11000287	Nguyễn Kỳ Thanh Hà	11 ANH 1	05/08/2009	Nữ			
8	11000288	Nguyễn Lê Bắc Hà	11 LÝ	16/01/2009	Nam			
9	11000289	Nguyễn Ngọc Hà	11 A1	06/01/2009	Nữ			
10	11000290	Nguyễn Phan Vân Hà	11 D2	17/04/2009	Nữ			
11	11000291	Trịnh Bảo Hà	11 A1	22/05/2009	Nữ			
12	11000292	Trịnh Ngọc Hà	11 VĂN 1	28/12/2009	Nữ			
13	11000293	Vũ Hoàng Hà	11 VĂN 2	13/05/2009	Nữ			
14	11000294	Đinh Nhật Hạ	11 PHÁP	01/04/2009	Nữ			
15	11000295	Đỗ Nam Hải	11 A3	10/04/2009	Nam			
16	11000296	Lê Minh Hải	11 NHẬT	21/05/2009	Nam			
17	11000297	Nguyễn Phạm Huy Hải	11 SỬ 1	15/11/2009	Nam			
18	11000298	Trần Thị Minh Hải	11 A2	08/02/2009	Nữ			
19	11000299	Đỗ Gia Hân	11 A3	15/09/2009	Nữ			
20	11000300	Dương Ngọc Hân	11 I2	13/08/2009	Nữ			
21	11000301	Hoàng Ngọc Bảo Hân	11 D1	14/09/2009	Nữ			
22	11000302	Lưu Quỳnh Hân	11 PHÁP	08/07/2009	Nữ			
23	11000303	Nguyễn Bảo Hân	11 D1	04/10/2009	Nữ			
24	11000304	Nguyễn Bảo Hân	11 NHẬT	31/01/2009	Nữ			
25	11000305	Phạm Bảo Hân	11 VĂN 1	13/06/2009	Nữ			
26	11000306	Trần Gia Hân	11 A2	27/12/2009	Nữ			
27	11000307	Trần Nhật Gia Hân	11 ANH 2	04/02/2009	Nữ			
28	11000308	Hoàng Bích Hạnh	11 TIN	31/03/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -12

Phòng thi số: 12 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000309	Nguyễn Hạnh	11 NHẬT	05/09/2009	Nữ			
2	11000310	Nguyễn Gia Hiền	11 I1	06/02/2009	Nam			
3	11000311	Đặng Văn Minh Hiếu	11 A1	18/06/2009	Nam			
4	11000312	Đào Đức Hiếu	11 LÝ	22/12/2009	Nam			
5	11000313	Lê Thuận Hiếu	11 D1	15/10/2009	Nam			
6	11000314	Ngô Tiến Trung Hiếu	11 ĐỊA 2	08/12/2009	Nam			
7	11000315	Nguyễn Đoàn Đức Hiếu	11 ĐỊA 1	04/05/2009	Nam			
8	11000316	Nguyễn Dương Hiếu	11 PHÁP	26/11/2009	Nam			
9	11000317	Nguyễn Khắc Hiếu	11 PHÁP	25/12/2009	Nam			
10	11000318	Nguyễn Lê Hiếu	11 TOÁN	30/03/2009	Nam			
11	11000319	Nguyễn Minh Hiếu	11 A1	06/01/2009	Nam			
12	11000320	Nguyễn Minh Hiếu	11 TOÁN	16/02/2009	Nam			
13	11000321	Phạm Minh Hiếu	11 SỬ 2	10/03/2009	Nam			
14	11000322	Phạm Trần Quang Hiếu	11 ANH 2	01/04/2009	Nam			
15	11000323	Trần Đức Hiếu	11 LÝ	08/07/2009	Nam			
16	11000324	Trần Minh Hiếu	11 TOÁN	13/06/2009	Nam			
17	11000325	Nguyễn Minh Hòa	11 SINH 2	31/01/2009	Nữ			
18	11000326	Chữ Minh Hoàng	11 LÝ	01/11/2009	Nam			
19	11000327	Lê Huy Hoàng	11 A2	26/09/2009	Nam			
20	11000328	Nguyễn Huy Hoàng	11 A2	23/02/2009	Nam			
21	11000329	Nguyễn Việt Hoàng	11 LÝ	09/06/2009	Nam			
22	11000330	Trần Lê Hoàng	11 A1	26/09/2009	Nam			
23	11000331	Trịnh Lân Hoàng	11 ANH 1	13/09/2009	Nam			
24	11000332	Vũ Huy Hoàng	11 A2	12/04/2009	Nam			
25	11000333	Hồ Xuân Hùng	11 ANH 1	12/04/2009	Nam			
26	11000334	Trần Xuân Tuấn Hùng	11 PHÁP	23/04/2009	Nam			
27	11000335	Trương Quốc Hùng	11 ĐỊA 2	14/11/2009	Nam			
28	11000336	Bùi Lâm Thế Hưng	11 TIN	01/10/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -13

Phòng thi số: 13 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000337	Nguyễn Đức Hưng	11 A3	04/12/2009	Nam			
2	11000338	Nguyễn Hưng	11 TIN	15/01/2009	Nam			
3	11000339	Phạm Duy Hưng	11 ĐỊA 1	06/10/2009	Nam			
4	11000340	Trần Hoàng Gia Hưng	11 A3	01/03/2009	Nam			
5	11000341	Hoàng Quỳnh Hương	11 SỬ 2	01/04/2009	Nữ			
6	11000342	Lê Thảo Hương	11 ĐỊA 1	09/02/2009	Nữ			
7	11000343	Lê Thị Diễm Hương	11 PHÁP	10/09/2009	Nữ			
8	11000344	Bùi Quang Huy	11 SINH 2	17/06/2009	Nam			
9	11000345	Đặng Quang Huy	11 NHẬT	16/04/2009	Nam			
10	11000346	Đào Gia Huy	11 A3	26/02/2009	Nam			
11	11000347	Đình Bình Huy	11 SỬ 1	12/09/2009	Nam			
12	11000348	Đỗ Việt Huy	11 TOÁN	27/02/2009	Nam			
13	11000349	Dương Gia Huy	11 A2	11/11/2009	Nam			
14	11000350	Hoàng Vũ Gia Huy	11 D2	18/06/2009	Nam			
15	11000351	Khuất Minh Huy	11 SỬ 1	30/03/2009	Nam			
16	11000352	Liu Lực Huy	11 TOÁN	24/11/2009	Nam			
17	11000353	Nguyễn Đức Quang Huy	11 HÓA	04/01/2009	Nam			
18	11000354	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	11 SỬ 2	24/01/2009	Nam			
19	11000355	Nguyễn Quảng Huy	11 ANH 1	22/11/2009	Nam			
20	11000356	Vũ An Huy	11 ANH 1	26/01/2009	Nam			
21	11000357	Vũ Đức Huy	11 HÓA	25/06/2009	Nam			
22	11000358	Hà Khánh Huyền	11 ANH 1	18/08/2009	Nữ			
23	11000359	Hồ Thị Thanh Huyền	11 PHÁP	26/10/2009	Nữ			
24	11000360	Lê Minh Huyền	11 PHÁP	07/02/2009	Nữ			
25	11000361	Nguyễn Lê Khánh Huyền	11 SỬ 2	24/09/2009	Nữ			
26	11000362	Quản Khánh Huyền	11 SỬ 2	04/04/2009	Nữ			
27	11000363	Lê Đỗ Thế Khải	11 A1	21/04/2009	Nam			
28	11000364	Đoàn Khang	11 SONG NGỮ	19/10/2009	Nam			

Số HS vắng:
SBD HS vắng:
Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -14

Phòng thi số: 14 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000365	Lê Hoàng Khang	11 TIN	06/11/2009	Nam			
2	11000366	Lưu Minh Khang	11 HÓA	07/10/2009	Nam			
3	11000367	Nguyễn Đức Khang	11 A2	26/03/2009	Nam			
4	11000368	Nguyễn Khang	11 I1	02/04/2009	Nam			
5	11000369	Phạm Gia Khang	11 PHÁP	15/03/2009	Nam			
6	11000370	Phạm Tuấn Khang	11 TIN	16/10/2009	Nam			
7	11000371	Trần Phúc Khang	11 PHÁP	06/04/2009	Nam			
8	11000372	Vũ Tuấn Khang	11 PHÁP	13/10/2009	Nam			
9	11000373	Lữ Gia Khanh	11 HÓA	26/01/2009	Nữ			
10	11000374	Nguyễn Phương Khanh	11 NHẬT	17/01/2009	Nữ			
11	11000375	Trần Mai Khanh	11 A1	04/09/2009	Nữ			
12	11000376	Bùi Ngọc Khánh	11 SINH 2	19/05/2009	Nữ			
13	11000377	Đặng Tuấn Nam Khánh	11 A1	20/06/2009	Nam			
14	11000378	Hồ Bảo Khánh	11 TIN	04/07/2009	Nam			
15	11000379	Kiều Vân Khánh	11 VĂN 1	12/12/2009	Nữ			
16	11000380	Lê Nam Khánh	11 LÝ	03/09/2009	Nam			
17	11000381	Lương Quốc Khánh	11 SỬ 1	02/09/2009	Nam			
18	11000382	Lưu Gia Khánh	11 I1	09/11/2009	Nam			
19	11000383	Nguyễn Đào Nam Khánh	11 ĐỊA 1	08/10/2009	Nam			
20	11000384	Nguyễn Gia Khánh	11 TOÁN	03/09/2009	Nam			
21	11000385	Nguyễn Minh Khánh	11 D1	24/12/2009	Nam			
22	11000386	Nguyễn Ngọc Khánh	11 HÓA	14/04/2009	Nữ			
23	11000387	Nguyễn Ngọc Khánh	11 SỬ 2	17/10/2009	Nữ			
24	11000388	Nguyễn Quang Khánh	11 A3	20/04/2009	Nam			
25	11000389	Nguyễn Viên Khánh	11 VĂN 2	11/09/2009	Nữ			
26	11000390	Tổng Nguyên Khánh	11 ANH 1	06/08/2009	Nam			
27	11000391	Trần Vân Khánh	11 D1	24/06/2009	Nữ			
28	11000392	Vũ Đăng Khánh	11 I2	16/03/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -15

Phòng thi số: 15 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000393	Nguyễn Danh Khiêm	11 A3	12/11/2009	Nam			
2	11000394	Hàn Anh Khoa	11 SINH 2	14/03/2009	Nam			
3	11000395	Hồ Đăng Khoa	11 D1	08/09/2009	Nam			
4	11000396	Phạm Minh Khoa	11 A2	20/04/2009	Nam			
5	11000397	Đặng Vũ Minh Khôi	11 TOÁN	10/06/2009	Nam			
6	11000398	Nguyễn Anh Khôi	11 ĐỊA 1	15/07/2009	Nam			
7	11000399	Nguyễn Đăng Khôi	11 SỬ 1	23/01/2009	Nam			
8	11000400	Nguyễn Minh Khôi	11 HÓA	23/02/2009	Nam			
9	11000401	Nguyễn Phạm Nguyên Khôi	11 TIN	20/02/2009	Nam			
10	11000402	Đinh Ngọc Khuê	11 PHÁP	10/01/2009	Nữ			
11	11000403	Hoàng Minh Khuê	11 SỬ 2	12/11/2009	Nữ			
12	11000404	Lê Nguyễn Hà Khuê	11 SỬ 1	09/10/2009	Nam			
13	11000405	Nguyễn Minh Khuê	11 ANH 1	09/07/2009	Nữ			
14	11000406	Trần Minh Khuê	11 HÓA	25/08/2009	Nữ			
15	11000407	Vũ Đức Khuê	11 SINH 1	30/12/2009	Nam			
16	11000408	Bùi Xuân Kiên	11 TIN	19/10/2009	Nam			
17	11000409	Đinh Gia Kiên	11 ANH 2	09/11/2009	Nam			
18	11000410	Nguyễn Đỗ Minh Kiên	11 A1	14/05/2009	Nam			
19	11000411	Nguyễn Kiên	11 ĐỊA 1	27/05/2009	Nam			
20	11000412	Nguyễn Vũ Tuấn Kiên	11 I1	30/11/2009	Nam			
21	11000413	Phạm Kiên	11 TIN	04/09/2009	Nam			
22	11000414	Phạm Tuấn Kiên	11 LÝ	19/01/2009	Nam			
23	11000415	Đỗ Huỳnh Anh Kiệt	11 ĐỊA 2	18/09/2009	Nam			
24	11000416	Nguyễn Ngọc Minh Kiệt	11 TIN	11/06/2009	Nam			
25	11000417	Vũ Văn Kiệt	11 SINH 2	27/03/2009	Nam			
26	11000418	Vũ Xuân Kiệt	11 A2	23/04/2009	Nam			
27	11000419	Hoàng Gia Kỳ	11 SỬ 2	08/05/2009	Nam			
28	11000420	Nguyễn Lê Kỳ	11 TIN	29/11/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -16

Phòng thi số: 16 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000421	Dương Vũ Trúc Lam	11 NHẬT	05/04/2009	Nữ			
2	11000422	Nguyễn Diệu Lam	11 SONG NGŨ	26/08/2009	Nữ			
3	11000423	Nguyễn Ngọc Hải Lam	11 SINH 1	03/02/2009	Nữ			
4	11000424	Nguyễn Phương Lam	11 D2	15/09/2009	Nữ			
5	11000425	Vũ Bảo Lam	11 TIN	28/10/2009	Nữ			
6	11000426	Chu Tùng Lâm	11 SONG NGŨ	26/07/2009	Nam			
7	11000427	Đỗ Vũ Lâm	11 LÝ	04/01/2009	Nam			
8	11000428	Hà Tú Lâm	11 ANH 1	24/03/2009	Nữ			
9	11000429	Nguyễn Đức Lâm	11 D2	05/07/2009	Nam			
10	11000430	Nguyễn Như Lâm	11 ĐỊA 2	04/10/2009	Nam			
11	11000431	Nguyễn Thanh Lâm	11 ĐỊA 2	12/08/2009	Nam			
12	11000432	Nguyễn Tùng Lâm	11 ĐỊA 2	18/08/2009	Nam			
13	11000433	Nguyễn Xuân Ngọc Tùng Lâm	11 I1	16/08/2009	Nam			
14	11000434	Phạm Bảo Lâm	11 ANH 1	23/10/2009	Nam			
15	11000435	Vũ Vũ Tuệ Lâm	11 SINH 2	23/10/2009	Nữ			
16	11000436	Nguyễn Minh Lâm	11 NHẬT	09/04/2009	Nam			
17	11000437	Nguyễn Linh Lan	11 NHẬT	28/09/2009	Nữ			
18	11000438	Trần Ngọc Đan Lê	11 NHẬT	26/01/2009	Nữ			
19	11000439	Bùi Minh Liêm	11 I2	06/08/2009	Nam			
20	11000440	Doãn Phương Liên	11 ĐỊA 1	20/05/2009	Nữ			
21	11000441	Bùi Hoàng Diệu Linh	11 VĂN 2	04/09/2009	Nữ			
22	11000442	Bùi Phương Linh	11 SINH 2	05/08/2009	Nữ			
23	11000443	Đặng Phương Linh	11 SỬ 1	08/08/2009	Nữ			
24	11000444	Đinh Diệu Linh	11 ĐỊA 1	19/01/2009	Nữ			
25	11000445	Đinh Diệu Linh	11 ANH 1	20/02/2009	Nữ			
26	11000446	Đinh Ngọc Linh	11 I2	03/07/2009	Nữ			
27	11000447	Đỗ Hà Linh	11 D1	30/11/2009	Nữ			
28	11000448	Đỗ Hà Linh	11 TIN	16/12/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026
Phòng thi số: 17 môn ĐGNL 11

ĐGNL 11 -17

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000449	Đỗ Hoàng Yến Linh	11 A3	21/07/2009	Nữ			
2	11000450	Hà Diệu Linh	11 A3	22/10/2009	Nữ			
3	11000451	Lê Bảo Linh	11 D2	30/05/2009	Nữ			
4	11000452	Lê Bùi Đan Linh	11 VĂN 2	02/01/2009	Nữ			
5	11000453	Lê Khánh Linh	11 ĐỊA 1	29/07/2009	Nữ			
6	11000454	Lê Phương Linh	11 D2	15/10/2009	Nữ			
7	11000455	Lê Phương Linh	11 ĐỊA 1	04/01/2009	Nữ			
8	11000456	Lương Nguyễn Tú Linh	11 SONG NGŨ	02/01/2009	Nữ			
9	11000457	Lương Tường Linh	11 SINH 2	07/12/2009	Nữ			
10	11000458	Ngô Ngọc Linh	11 D2	06/01/2009	Nữ			
11	11000459	Ngô Phương Linh	11 SINH 1	17/01/2009	Nữ			
12	11000460	Nguyễn Đắc Vũ Gia Linh	11 VĂN 1	05/01/2009	Nữ			
13	11000461	Nguyễn Gia Linh	11 SINH 1	15/02/2009	Nữ			
14	11000462	Nguyễn Gia Linh	11 VĂN 2	11/05/2009	Nữ			
15	11000463	Nguyễn Hà Khánh Linh	11 NHẬT	12/01/2009	Nữ			
16	11000464	Nguyễn Hà Khánh Linh	11 SỬ 1	17/11/2009	Nữ			
17	11000465	Nguyễn Hà Linh	11 SONG NGŨ	22/03/2009	Nữ			
18	11000466	Nguyễn Hà Linh	11 TOÁN	26/02/2009	Nữ			
19	11000467	Nguyễn Hà Linh	11 SINH 1	25/08/2009	Nữ			
20	11000468	Nguyễn Hà Linh	11 SINH 2	08/06/2009	Nữ			
21	11000469	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	11 SỬ 1	08/02/2009	Nữ			
22	11000470	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	11 PHÁP	15/09/2009	Nữ			
23	11000471	Nguyễn Khánh Linh	11 VĂN 1	07/01/2009	Nữ			
24	11000472	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	11 NHẬT	14/01/2009	Nữ			
25	11000473	Nguyễn Ngọc Linh	11 SINH 2	08/12/2009	Nữ			
26	11000474	Nguyễn Ngọc Linh	11 SỬ 1	26/12/2009	Nữ			
27	11000475	Nguyễn Nhật Linh	11 A1	12/08/2009	Nữ			
28	11000476	Nguyễn Phương Hà Linh	11 D2	21/01/2009	Nữ			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -18

Phòng thi số: 18 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000477	Nguyễn Trần Khánh Linh	11 ĐỊA 2	17/01/2009	Nữ			
2	11000478	Phạm Nguyệt Linh	11 SỬ 2	22/11/2009	Nữ			
3	11000479	Phạm Phương Linh	11 VĂN 1	08/06/2009	Nữ			
4	11000480	Phan Đỗ Trang Linh	11 TOÁN	02/08/2009	Nữ			
5	11000481	Phan Hà Linh	11 A1	16/03/2009	Nữ			
6	11000482	Phùng Dương Bảo Linh	11 SONG NGỮ	12/10/2009	Nữ			
7	11000483	Phùng Dương Khánh Linh	11 SONG NGỮ	12/10/2009	Nữ			
8	11000484	Tăng Khánh Linh	11 ANH 2	18/11/2009	Nữ			
9	11000485	Trần Đặng Khánh Linh	11 D2	20/07/2009	Nữ			
10	11000486	Trần Gia Linh	11 VĂN 2	17/04/2009	Nữ			
11	11000487	Trần Tú Linh	11 SỬ 1	15/11/2009	Nữ			
12	11000488	Triệu Phương Linh	11 A3	29/05/2009	Nữ			
13	11000489	Trịnh Phương Linh	11 VĂN 1	01/07/2009	Nữ			
14	11000490	Trịnh Thị Phương Linh	11 SỬ 1	23/12/2009	Nữ			
15	11000491	Vũ Đức Linh	11 ĐỊA 2	14/01/2009	Nam			
16	11000492	Vũ Phương Linh	11 HÓA	08/06/2009	Nữ			
17	11000493	Vũ Thị Bảo Linh	11 ĐỊA 1	29/10/2009	Nữ			
18	11000494	Vũ Thùy Linh	11 A1	05/04/2009	Nữ			
19	11000495	Dương Đức Long	11 HÓA	09/10/2009	Nam			
20	11000496	Lê Ngọc Long	11 ANH 2	12/12/2009	Nam			
21	11000497	Nguyễn Việt Long	11 D1	14/04/2009	Nam			
22	11000498	Phạm Tuấn Long	11 D2	27/03/2009	Nam			
23	11000499	Phan Xuân Hoàng Long	11 SỬ 1	30/09/2009	Nam			
24	11000500	Trần Hoàng Long	11 A2	19/08/2009	Nam			
25	11000501	Trần Vỹ Long	11 SONG NGỮ	13/08/2009	Nam			
26	11000502	Vũ Duy Long	11 D2	25/12/2009	Nam			
27	11000503	Đàm Ngọc Ly	11 HÓA	30/01/2009	Nữ			
28	11000504	Nguyễn Hương Ly	11 SỬ 2	05/09/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -19

Phòng thi số: 19 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000505	Nguyễn Khánh Ly	11 D1	07/04/2009	Nữ			
2	11000506	Đào Huyền Mai	11 D2	23/04/2009	Nữ			
3	11000507	Nguyễn Ngọc Mai	11 TIN	28/11/2009	Nữ			
4	11000508	Nguyễn Như Mai	11 ĐỊA 1	03/09/2009	Nữ			
5	11000509	Nguyễn Phương Mai	11 SỬ 1	13/10/2009	Nữ			
6	11000510	Nguyễn Quỳnh Mai	11 SINH 1	11/05/2009	Nữ			
7	11000511	Phạm Phương Mai	11 LÝ	07/05/2009	Nữ			
8	11000512	Phùng Chi Mai	11 ĐỊA 1	19/01/2009	Nữ			
9	11000513	Trần Ánh Mai	11 VĂN 2	19/01/2009	Nữ			
10	11000514	Trương Ngọc Mai	11 SỬ 2	22/05/2009	Nữ			
11	11000515	Nguyễn Tiến Mạnh	11 TIN	20/10/2009	Nam			
12	11000516	Vũ Hữu Mạnh	11 I2	25/08/2009	Nam			
13	11000517	Cao Đức Minh	11 I2	22/01/2009	Nam			
14	11000518	Công Anh Minh	11 A2	02/04/2009	Nam			
15	11000519	Đào Hải Ngọc Minh	11 TOÁN	26/04/2009	Nam			
16	11000520	Đào Hồng Minh	11 ANH 2	26/04/2009	Nữ			
17	11000521	Đỗ Quang Minh	11 A1	22/12/2009	Nam			
18	11000522	Đỗ Tuệ Minh	11 D1	15/02/2009	Nữ			
19	11000523	Dương Khánh Minh	11 I1	03/01/2009	Nam			
20	11000524	Hoàng Phú Minh	11 NHẬT	21/09/2009	Nam			
21	11000525	Hoàng Tuấn Minh	11 HÓA	30/11/2009	Nam			
22	11000526	Lã Quý Minh	11 LÝ	25/11/2009	Nam			
23	11000527	Lại Bình Minh	11 SỬ 1	30/04/2009	Nam			
24	11000528	Lê Đức Minh	11 I2	26/09/2009	Nam			
25	11000529	Lê Hải Minh	11 SỬ 1	30/06/2009	Nam			
26	11000530	Lê Hồng Minh	11 A1	14/02/2009	Nam			
27	11000531	Lê Huy Minh	11 PHÁP	22/05/2009	Nam			
28	11000532	Lương Anh Minh	11 TOÁN	06/03/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -20

Phòng thi số: 20 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000533	Mai Thu Minh	11 D2	26/09/2009	Nữ			
2	11000534	Ngô Hoàng Minh	11 HÓA	11/03/2009	Nam			
3	11000535	Ngô Nhật Minh	11 SONG NGŨ	25/06/2009	Nam			
4	11000536	Nguyễn Bảo Minh	11 LÝ	05/03/2009	Nam			
5	11000537	Nguyễn Đăng Minh	11 TOÁN	04/07/2009	Nam			
6	11000538	Nguyễn Đức Minh	11 A3	17/05/2009	Nam			
7	11000539	Nguyễn Khải Minh	11 I2	20/02/2009	Nam			
8	11000540	Nguyễn Khánh Minh	11 ANH 1	11/01/2009	Nữ			
9	11000541	Nguyễn Minh	11 I2	20/03/2009	Nam			
10	11000542	Nguyễn Ngọc Minh	11 SINH 2	01/05/2009	Nữ			
11	11000543	Nguyễn Nhật Minh	11 A1	01/11/2009	Nam			
12	11000544	Nguyễn Nhật Minh	11 A2	02/07/2009	Nam			
13	11000545	Nguyễn Nhật Minh	11 A2	15/08/2009	Nam			
14	11000546	Nguyễn Quang Minh	11 SỬ 1	21/09/2009	Nam			
15	11000547	Nguyễn Sỹ Minh	11 SINH 1	31/08/2009	Nam			
16	11000548	Nguyễn Tất Tuấn Minh	11 I2	30/01/2009	Nam			
17	11000549	Nguyễn Thuận Minh	11 ĐỊA 1	25/10/2009	Nam			
18	11000550	Nguyễn Trần Nhật Minh	11 SINH 1	06/03/2009	Nam			
19	11000551	Nguyễn Tuấn Minh	11 A2	27/01/2009	Nam			
20	11000552	Nguyễn Tuệ Minh	11 A2	04/12/2009	Nam			
21	11000553	Nguyễn Tuệ Minh	11 LÝ	16/02/2009	Nữ			
22	11000554	Phạm Nguyên Hiền Minh	11 A2	25/05/2009	Nam			
23	11000555	Phạm Uyên Minh	11 D1	27/01/2009	Nữ			
24	11000556	Trần Bình Minh	11 TIN	08/04/2009	Nam			
25	11000557	Trần Bình Minh	11 SINH 1	08/08/2009	Nam			
26	11000558	Trần Đức Minh	11 TOÁN	10/05/2009	Nam			
27	11000559	Trần Đức Minh	11 TIN	19/12/2009	Nam			
28	11000560	Trần Hải Minh	11 SINH 2	09/12/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -21

Phòng thi số: 21 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000561	Trần Hiếu Minh	11 SONG NGỮ	28/06/2009	Nam			
2	11000562	Trần Hoàng Minh	11 ANH 1	12/03/2009	Nam			
3	11000563	Trần Nhật Minh	11 NHẬT	05/12/2009	Nam			
4	11000564	Trần Phương Minh	11 ANH 1	08/06/2009	Nữ			
5	11000565	Trần Tuấn Minh	11 TOÁN	23/08/2009	Nam			
6	11000566	Trần Tuấn Minh	11 LÝ	27/02/2009	Nam			
7	11000567	Trần Vũ Tuệ Minh	11 SONG NGỮ	04/07/2009	Nữ			
8	11000568	Trịnh Quang Minh	11 A3	31/03/2009	Nam			
9	11000569	Trịnh Tâm Minh	11 A3	13/04/2009	Nam			
10	11000570	Võ Huy Minh	11 PHÁP	08/01/2009	Nam			
11	11000571	Vũ Diệu Minh	11 NHẬT	28/11/2009	Nữ			
12	11000572	Vũ Quang Minh	11 TOÁN	17/01/2009	Nam			
13	11000573	Vương Đình Minh	11 TIN	27/08/2009	Nam			
14	11000574	Đình Nguyễn Huyền My	11 NHẬT	21/01/2009	Nữ			
15	11000575	Lưu Hà My	11 ĐỊA 1	16/11/2009	Nữ			
16	11000576	Nguyễn Trang My	11 SINH 1	10/11/2009	Nữ			
17	11000577	Phạm Nguyên Hà My	11 PHÁP	04/10/2009	Nữ			
18	11000578	Phạm Thảo My	11 VĂN 1	11/06/2009	Nữ			
19	11000579	Phùng Ngọc Uyển My	11 A3	29/04/2009	Nữ			
20	11000580	Vũ Nguyễn Trà My	11 SONG NGỮ	29/11/2009	Nữ			
21	11000581	Nguyễn Thiên Mỹ	11 VĂN 1	20/03/2009	Nữ			
22	11000582	Bùi Hoàng Gia Nam	11 TOÁN	17/04/2009	Nam			
23	11000583	Đàm Bảo Nam	11 SỬ 2	04/06/2009	Nam			
24	11000584	Lê Hải Nam	11 TIN	23/09/2009	Nam			
25	11000585	Lê Hoàng Nam	11 SINH 1	18/07/2009	Nam			
26	11000586	Lê Thành Nam	11 HÓA	11/08/2009	Nam			
27	11000587	Nguyễn Bảo Nam	11 SONG NGỮ	03/11/2009	Nam			
28	11000588	Nguyễn Bảo Nam	11 SONG NGỮ	24/12/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -22

Phòng thi số: 22 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000589	Nguyễn Bảo Nam	11 ANH 2	26/10/2009	Nam			
2	11000590	Nguyễn Hải Nam	11 TIN	21/08/2009	Nam			
3	11000591	Nguyễn Hoàng Nam	11 I2	03/04/2009	Nam			
4	11000592	Nguyễn Nhật Nam	11 LÝ	03/01/2009	Nam			
5	11000593	Nguyễn Nhật Nam	11 LÝ	19/12/2009	Nam			
6	11000594	Nguyễn Nhật Nam	11 SINH 1	19/07/2009	Nam			
7	11000595	Nguyễn Sỹ Thành Nam	11 LÝ	30/03/2009	Nam			
8	11000596	Nguyễn Thành Nam	11 A3	19/09/2009	Nam			
9	11000597	Phùng Bảo Nam	11 TIN	10/10/2009	Nam			
10	11000598	Quách Thành Nam	11 ĐỊA 2	21/12/2009	Nam			
11	11000599	Vũ Thành Nam	11 LÝ	17/06/2009	Nam			
12	11000600	Nguyễn Ngọc Linh Nga	11 ĐỊA 2	06/05/2009	Nữ			
13	11000601	Bùi Hà Ngân	11 D1	08/05/2009	Nữ			
14	11000602	Đào Thu Ngân	11 D2	05/02/2009	Nữ			
15	11000603	Đỗ Thị Kim Ngân	11 D1	10/09/2009	Nữ			
16	11000604	Kiều Hiếu Ngân	11 VĂN 2	27/06/2009	Nữ			
17	11000605	Nguyễn Khánh Ngân	11 SINH 2	25/03/2009	Nữ			
18	11000606	Nguyễn Kim Ngân	11 I1	08/07/2009	Nữ			
19	11000607	Nguyễn Thị Khánh Ngân	11 NHẬT	06/08/2009	Nữ			
20	11000608	Phạm Trần Bảo Ngân	11 PHÁP	08/03/2009	Nữ			
21	11000609	Võ Hồ Hiếu Ngân	11 NHẬT	13/09/2009	Nữ			
22	11000610	Hồ Phúc Nghĩa	11 LÝ	28/07/2009	Nam			
23	11000611	Vũ Sỹ Hiếu Nghĩa	11 TIN	03/02/2009	Nam			
24	11000612	Bùi Như Ngọc	11 SỬ 2	19/04/2009	Nữ			
25	11000613	Đặng Thảo Ngọc	11 D1	16/08/2009	Nữ			
26	11000614	Đình Minh Ngọc	11 D2	02/08/2009	Nữ			
27	11000615	Dương Khánh Ngọc	11 ANH 1	29/01/2009	Nữ			
28	11000616	Lê Gia Khánh Ngọc	11 SỬ 2	17/01/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -23

Phòng thi số: 23 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000617	Lý Minh Ngọc	11 D2	25/10/2009	Nữ			
2	11000618	Ngô Minh Ngọc	11 HÓA	07/01/2009	Nữ			
3	11000619	Nguyễn Bảo Minh Ngọc	11 SỬ 1	17/11/2009	Nữ			
4	11000620	Nguyễn Bảo Ngọc	11 A3	04/10/2009	Nữ			
5	11000621	Nguyễn Hà Minh Ngọc	11 SỬ 2	10/12/2009	Nữ			
6	11000622	Nguyễn Khánh Ngọc	11 SINH 2	16/05/2009	Nữ			
7	11000623	Nguyễn Phương Minh Ngọc	11 SỬ 2	07/06/2009	Nữ			
8	11000624	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11 A2	16/08/2009	Nữ			
9	11000625	Phạm Minh Ngọc	11 NHẬT	15/10/2009	Nữ			
10	11000626	Thân Bảo Ngọc	11 SỬ 1	04/03/2009	Nữ			
11	11000627	Trần Bảo Ngọc	11 TIN	11/03/2009	Nữ			
12	11000628	Vũ Hà Minh Ngọc	11 SINH 1	17/08/2009	Nữ			
13	11000629	Đỗ Hoàng Thảo Nguyên	11 ANH 2	15/04/2009	Nữ			
14	11000630	Đỗ Nguyên	11 A3	04/03/2009	Nam			
15	11000631	Hà Nguyễn Hạnh Nguyên	11 ĐỊA 2	02/10/2009	Nữ			
16	11000632	Lê Danh An Nguyên	11 SONG NGỮ	07/02/2009	Nam			
17	11000633	Lê Hạnh Nguyên	11 SỬ 1	18/06/2009	Nữ			
18	11000634	Nguyễn Bình Nguyên	11 A1	11/03/2009	Nam			
19	11000635	Nguyễn Bình Nguyên	11 NHẬT	09/01/2009	Nam			
20	11000636	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	11 HÓA	03/05/2009	Nam			
21	11000637	Nguyễn Đức Minh Nguyên	11 A3	12/07/2009	Nam			
22	11000638	Nguyễn Hạnh Nguyên	11 A2	03/11/2009	Nữ			
23	11000639	Nguyễn Khôi Nguyên	11 LÝ	02/11/2009	Nam			
24	11000640	Nguyễn Khôi Nguyên	11 I1	16/11/2009	Nam			
25	11000641	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	11 A2	15/03/2009	Nữ			
26	11000642	Nguyễn Thảo Nguyên	11 ANH 1	05/03/2009	Nữ			
27	11000643	Phạm Khôi Nguyên	11 TIN	24/04/2009	Nam			
28	11000644	Trần Hạnh Nguyên	11 ĐỊA 2	07/12/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -24

Phòng thi số: 24 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000645	Trần Hạnh Nguyên	11 ANH 2	15/10/2009	Nữ			
2	11000646	Võ Thảo Nguyên	11 ĐỊA 1	19/05/2009	Nữ			
3	11000647	Vũ Khôi Nguyên	11 ANH 2	16/10/2009	Nam			
4	11000648	Cao Minh Nguyệt	11 SONG NGŨ	18/01/2009	Nữ			
5	11000649	Đỗ Đức Nhân	11 TOÁN	09/09/2009	Nam			
6	11000650	Phan Duy Nhân	11 A1	23/03/2009	Nam			
7	11000651	Nguyễn Minh Nhật	11 NHẬT	25/12/2009	Nam			
8	11000652	Nguyễn Việt Nhật	11 SINH 2	03/04/2009	Nam			
9	11000653	Bùi Tuệ Nhi	11 PHÁP	07/08/2009	Nữ			
10	11000654	Đặng Lâm Thùy Nhi	11 NHẬT	25/06/2008	Nữ			
11	11000655	Lê Phúc Thiên Nhi	11 ĐỊA 1	12/05/2009	Nữ			
12	11000656	Nguyễn Lê Bảo Nhi	11 A1	25/07/2009	Nữ			
13	11000657	Nguyễn Thảo Nhi	11 VĂN 1	23/04/2009	Nữ			
14	11000658	Nguyễn Trần Thảo Nhi	11 D1	20/03/2009	Nữ			
15	11000659	Nông Vân Nhi	11 D1	15/02/2009	Nữ			
16	11000660	Phạm Ngô Gia Nhi	11 SONG NGŨ	27/01/2009	Nữ			
17	11000661	Phạm Phương Nhi	11 VĂN 1	02/11/2009	Nữ			
18	11000662	Trương Lê Nhi	11 VĂN 1	04/09/2009	Nữ			
19	11000663	Vũ Chi Uyển Nhi	11 ANH 1	29/07/2009	Nữ			
20	11000664	Lê Quỳnh Như	11 SỬ 1	20/10/2009	Nữ			
21	11000665	Nguyễn Cẩm Nhung	11 SINH 1	27/06/2009	Nữ			
22	11000666	Lê Công Pháp	11 SINH 2	18/08/2009	Nam			
23	11000667	Nguyễn Văn Phát	11 TOÁN	02/04/2009	Nam			
24	11000668	Đặng Hoàng Hải Phong	11 SINH 1	19/10/2009	Nam			
25	11000669	Đỗ Nguyên Phong	11 SONG NGŨ	10/10/2009	Nam			
26	11000670	Lê Nam Phong	11 LÝ	15/07/2009	Nam			
27	11000671	Mai Tiến Phong	11 TIN	26/07/2009	Nam			
28	11000672	Nguyễn Nam Phong	11 SINH 1	21/08/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -25

Phòng thi số: 25 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000673	Nguyễn Tuấn Phong	11 PHÁP	20/05/2009	Nam			
2	11000674	Phạm Nghi Phong	11 SỬ 2	14/04/2009	Nam			
3	11000675	Trần Ngọc Nguyên Phong	11 ANH 2	26/07/2009	Nam			
4	11000676	Trần Tuấn Phong	11 TOÁN	15/02/2009	Nam			
5	11000677	Hoàng Sinh Phú	11 TIN	05/10/2009	Nam			
6	11000678	Phạm Gia Phú	11 TIN	08/09/2009	Nam			
7	11000679	Phạm Gia Phú	11 I1	24/09/2009	Nam			
8	11000680	Hà Văn Phúc	11 ANH 2	03/04/2009	Nam			
9	11000681	Lê Cao Phúc	11 TIN	09/05/2009	Nam			
10	11000682	Lê Minh Phúc	11 TOÁN	06/09/2009	Nam			
11	11000683	Ngô Hồng Phúc	11 ANH 2	28/08/2009	Nam			
12	11000684	Nguyễn Hữu Phúc	11 TOÁN	04/03/2009	Nam			
13	11000685	Nguyễn Minh Phúc	11 SỬ 2	13/03/2009	Nam			
14	11000686	Đào Thanh Phương	11 SINH 2	05/09/2009	Nữ			
15	11000687	Đình Minh Phương	11 ĐỊA 2	12/07/2009	Nữ			
16	11000688	Đỗ Hà Phương	11 A3	18/03/2009	Nữ			
17	11000689	Đỗ Hà Phương	11 SINH 2	11/06/2009	Nữ			
18	11000690	Đỗ Nguyên Phương	11 VĂN 2	25/04/2009	Nữ			
19	11000691	Hoàng Hà Phương	11 SỬ 2	18/02/2009	Nữ			
20	11000692	Hoàng Nguyễn Bảo Phương	11 D2	22/05/2009	Nữ			
21	11000693	Lê Hà Phương	11 I2	18/10/2009	Nữ			
22	11000694	Lê Mai Phương	11 ANH 2	08/11/2009	Nữ			
23	11000695	Nguyễn Hà Phương	11 SINH 1	15/01/2009	Nữ			
24	11000696	NGUYỄN HOÀNG NAM P	11 D2	30/09/2009	Nữ			
25	11000697	Nguyễn Lam Phương	11 PHÁP	02/09/2009	Nữ			
26	11000698	Nguyễn Minh Phương	11 VĂN 1	16/03/2009	Nữ			
27	11000699	Nguyễn Minh Phương	11 PHÁP	04/08/2009	Nữ			
28	11000700	Phạm Đức Tú Phương	11 A2	04/12/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -26

Phòng thi số: 26 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000701	Thái Yến Phương	11 ĐỊA 2	22/10/2009	Nữ			
2	11000702	Trần Hà Phương	11 SỬ 2	17/11/2009	Nữ			
3	11000703	Trần Thị Thảo Phương	11 HÓA	06/06/2009	Nữ			
4	11000704	Vũ Hà Phương	11 SONG NGỮ	23/06/2009	Nữ			
5	11000705	Vũ Khánh Phương	11 VĂN 1	26/07/2009	Nữ			
6	11000706	Hoàng Lý Anh Quân	11 PHÁP	26/08/2009	Nam			
7	11000707	Trần Bình Quân	11 SINH 2	13/03/2009	Nam			
8	11000708	Vũ Minh Quân	11 TIN	09/11/2009	Nam			
9	11000709	Bùi Hải Quang	11 II	28/09/2009	Nam			
10	11000710	Hà Phúc Quang	11 HÓA	14/09/2009	Nam			
11	11000711	Lê Minh Quang	11 TOÁN	01/12/2009	Nam			
12	11000712	Lý Minh Quang	11 II	09/08/2009	Nam			
13	11000713	Nguyễn Đức Quang	11 PHÁP	05/08/2009	Nam			
14	11000714	Nguyễn Duy Quang	11 HÓA	20/03/2009	Nam			
15	11000715	Nguyễn Minh Quang	11 D1	11/08/2009	Nam			
16	11000716	Nguyễn Trần Minh Quang	11 LÝ	09/06/2009	Nam			
17	11000717	Lương Duyên Quảng	11 D1	03/04/2009	Nam			
18	11000718	Dương Trung Quốc	11 A3	12/11/2009	Nam			
19	11000719	Nguyễn Hạnh Quyên	11 PHÁP	24/09/2009	Nữ			
20	11000720	Trương Bảo Quyên	11 I2	24/05/2009	Nữ			
21	11000721	Cao Nguyễn Mạnh Quyên	11 TIN	14/10/2009	Nam			
22	11000722	Chu Thị Như Quỳnh	11 A2	09/01/2009	Nữ			
23	11000723	Đoàn Thị Ngọc Quỳnh	11 ĐỊA 2	14/08/2009	Nữ			
24	11000724	Nghiêm Nhật Linh Sa	11 I2	25/12/2009	Nữ			
25	11000725	Lê Uyển San	11 ĐỊA 2	26/11/2009	Nữ			
26	11000726	Phạm San	11 PHÁP	20/05/2009	Nam			
27	11000727	Phan Hạnh San	11 ANH 2	03/04/2009	Nữ			
28	11000728	Nguyễn Đình Sang	11 HÓA	14/06/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -27

Phòng thi số: 27 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000729	Nguyễn Lĩnh Hoàng Sơn	11 A3	17/01/2009	Nam			
2	11000730	Nguyễn Minh Sơn	11 PHÁP	04/08/2009	Nam			
3	11000731	Nguyễn Trọng Sơn	11 ĐỊA 2	23/01/2009	Nam			
4	11000732	Trương Tân Sơn	11 II	11/12/2009	Nam			
5	11000733	Nguyễn Minh Tâm	11 D2	04/01/2009	Nữ			
6	11000734	Phạm Minh Tâm	11 TOÁN	01/09/2009	Nữ			
7	11000735	Trần Nguyễn Phúc Tâm	11 A3	01/03/2009	Nam			
8	11000736	Phan Quốc Thái	11 TIN	14/01/2009	Nam			
9	11000737	Trịnh Nguyên Thắng	11 TOÁN	25/08/2009	Nam			
10	11000738	Lê Trọng Thanh	11 D2	12/03/2009	Nam			
11	11000739	Lê Công Thành	11 A3	04/05/2009	Nam			
12	11000740	Nguyễn Phú Thành	11 LÝ	08/01/2009	Nam			
13	11000741	Nguyễn Tiến Thành	11 ANH 2	19/11/2009	Nam			
14	11000742	Vũ Tiến Tất Thành	11 TOÁN	18/02/2009	Nam			
15	11000743	Chu Phạm Phương Thảo	11 VĂN 1	21/10/2009	Nữ			
16	11000744	Mai Trúc Thảo	11 SỬ 1	21/03/2009	Nữ			
17	11000745	Nguyễn Lê Phương Thảo	11 VĂN 2	04/11/2009	Nữ			
18	11000746	Nguyễn Phương Thảo	11 LÝ	16/07/2009	Nữ			
19	11000747	Nguyễn Phương Thảo	11 SINH 1	21/04/2009	Nữ			
20	11000748	Nguyễn Phương Thảo	11 SINH 2	25/10/2009	Nữ			
21	11000749	Nguyễn Phương Thảo	11 SỬ 2	20/12/2009	Nữ			
22	11000750	Nguyễn Phương Thảo	11 ĐỊA 2	19/08/2009	Nữ			
23	11000751	Nguyễn Thanh Thảo	11 SINH 1	26/08/2009	Nữ			
24	11000752	Nguyễn Thanh Thảo	11 ĐỊA 2	08/01/2009	Nữ			
25	11000753	Phạm Phương Thảo	11 NHẬT	29/11/2009	Nữ			
26	11000754	Trần Hương Thảo	11 HÓA	28/10/2009	Nữ			
27	11000755	Trần Mai Phương Thảo	11 VĂN 1	03/10/2009	Nữ			
28	11000756	Trần Ngọc Nguyên Thảo	11 ANH 2	20/10/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -28

Phòng thi số: 28 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000757	Trần Ngọc Uyên Thảo	11 VĂN 1	05/07/2009	Nữ			
2	11000758	Trần Phương Thảo	11 D1	01/07/2009	Nữ			
3	11000759	Trần Xuân Thảo	11 D2	19/02/2009	Nữ			
4	11000760	Đặng Vũ Ngân Thi	11 ANH 1	18/10/2009	Nữ			
5	11000761	Nguyễn Khánh Thi	11 ANH 2	30/04/2009	Nữ			
6	11000762	Bùi Minh Thiên	11 TIN	24/11/2009	Nam			
7	11000763	Nguyễn Huy Thịnh	11 TOÁN	10/02/2009	Nam			
8	11000764	Lâm Hồng Thu	11 ĐỊA 1	03/05/2009	Nữ			
9	11000765	Đỗ Quỳnh Thu	11 SINH 1	03/11/2009	Nữ			
10	11000766	Hoàng Phạm Anh Thu	11 ĐỊA 2	05/01/2009	Nữ			
11	11000767	Lã Anh Thu	11 VĂN 2	07/09/2009	Nữ			
12	11000768	Nguyễn Diệu Thu	11 TOÁN	25/10/2009	Nữ			
13	11000769	Nguyễn Lê Minh Thu	11 ĐỊA 1	31/03/2009	Nữ			
14	11000770	Nguyễn Minh Thu	11 D1	08/10/2009	Nữ			
15	11000771	Nguyễn Minh Thu	11 ANH 1	06/06/2009	Nữ			
16	11000772	Nguyễn Quỳnh Thu	11 PHÁP	30/08/2009	Nữ			
17	11000773	Phạm Anh Thu	11 VĂN 1	21/04/2009	Nữ			
18	11000774	Phạm Vũ Anh Thu	11 ANH 2	16/09/2009	Nữ			
19	11000775	Phan Hoàng Thu	11 HÓA	27/03/2009	Nữ			
20	11000776	Trần Anh Thu	11 D2	07/06/2009	Nữ			
21	11000777	Trần Minh Thu	11 NHẬT	10/03/2009	Nữ			
22	11000778	Vũ Bảo Thu	11 SỬ 1	04/06/2009	Nữ			
23	11000779	Vũ Ngọc Anh Thu	11 D1	18/01/2009	Nữ			
24	11000780	Vương Minh Thu	11 SINH 2	03/04/2009	Nữ			
25	11000781	Đỗ Đào Anh Thương	11 ĐỊA 2	16/08/2009	Nữ			
26	11000782	Nguyễn Phương Thúy	11 D2	12/11/2009	Nữ			
27	11000783	Lương Bích Thủy	11 VĂN 2	30/04/2009	Nữ			
28	11000784	Dương Yên Thy	11 II	21/01/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -29

Phòng thi số: 29 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000785	Nông Quỳnh Thy	11 ĐỊA 2	06/02/2009	Nữ			
2	11000786	Nguyễn Thủy Tiên	11 D1	10/06/2009	Nữ			
3	11000787	Đỗ Minh Tiến	11 SINH 1	16/05/2009	Nam			
4	11000788	Nguyễn Đức Tiến	11 A1	18/09/2009	Nam			
5	11000789	Trần Minh Tiến	11 TOÁN	20/11/2009	Nam			
6	11000790	Nguyễn Việt Tín	11 TIN	05/12/2009	Nam			
7	11000791	Đỗ Khánh Toàn	11 I1	30/11/2009	Nam			
8	11000792	Đỗ Sỹ Song Toàn	11 SỬ 2	03/03/2009	Nam			
9	11000793	Nguyễn Trác	11 A3	20/01/2009	Nam			
10	11000794	Nguyễn Anh Trâm	11 I1	27/09/2009	Nữ			
11	11000795	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11 D2	28/09/2009	Nữ			
12	11000796	Đào Minh Trang	11 HÓA	26/07/2009	Nữ			
13	11000797	Hoàng Yến Trang	11 NHẬT	06/05/2009	Nữ			
14	11000798	Lê Thùy Trang	11 I1	23/01/2009	Nữ			
15	11000799	Ngô Hà Trang	11 A2	19/05/2009	Nữ			
16	11000800	Nguyễn Hồng Trang	11 VĂN 1	25/07/2009	Nữ			
17	11000801	Nguyễn Lê Tâm Trang	11 D1	07/06/2009	Nữ			
18	11000802	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	11 D2	24/09/2009	Nữ			
19	11000803	Nguyễn Phú Khánh Trang	11 ANH 1	15/02/2009	Nữ			
20	11000804	Nguyễn Quỳnh Trang	11 A2	13/02/2009	Nữ			
21	11000805	Nguyễn Thảo Trang	11 PHÁP	06/04/2009	Nữ			
22	11000806	Nguyễn Vũ Minh Trang	11 A2	05/10/2009	Nữ			
23	11000807	Nguyễn Yến Trang	11 SỬ 1	31/01/2009	Nữ			
24	11000808	Ninh Huyền Trang	11 VĂN 1	06/07/2009	Nữ			
25	11000809	Phạm Mai Trang	11 TOÁN	08/12/2009	Nữ			
26	11000810	Phạm Minh Trang	11 A2	17/04/2009	Nữ			
27	11000811	Phạm Minh Trang	11 ĐỊA 1	02/05/2009	Nữ			
28	11000812	Phạm Minh Trang	11 PHÁP	16/09/2009	Nữ			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -30

Phòng thi số: 30 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000813	Phương Thùy Trang	11 A3	27/02/2009	Nữ			
2	11000814	Quách Minh Trang	11 A3	23/07/2009	Nữ			
3	11000815	Tân Yên Trang	11 PHÁP	29/08/2009	Nữ			
4	11000816	Trần Minh Trang	11 NHẬT	29/10/2009	Nữ			
5	11000817	Bùi Minh Trí	11 HÓA	11/07/2009	Nam			
6	11000818	Hà Minh Trí	11 A2	26/04/2009	Nam			
7	11000819	Hoàng Minh Trí	11 VĂN 2	07/07/2009	Nam			
8	11000820	Mạc Minh Trí	11 I2	20/12/2009	Nam			
9	11000821	Nguyễn Minh Trí	11 SỬ 2	20/02/2009	Nam			
10	11000822	Trần Minh Trí	11 TOÁN	01/07/2009	Nam			
11	11000823	Phạm Việt Triết	11 LÝ	04/04/2009	Nam			
12	11000824	Lê Quốc Trọng	11 A1	05/02/2009	Nam			
13	11000825	Dương Thanh Trúc	11 VĂN 2	08/09/2009	Nữ			
14	11000826	Tô Thanh Trúc	11 SINH 2	31/08/2009	Nữ			
15	11000827	Trần Phương Trúc	11 ĐỊA 2	09/11/2009	Nữ			
16	11000828	Đỗ Thành Trung	11 SỬ 1	26/02/2009	Nam			
17	11000829	Dương Thành Trung	11 SỬ 1	03/07/2009	Nam			
18	11000830	Vũ Quốc Trung	11 SONG NGŨ	07/10/2009	Nam			
19	11000831	Đặng Ngọc Minh Tú	11 A1	02/11/2009	Nam			
20	11000832	Đặng Như Tú	11 A3	13/06/2009	Nữ			
21	11000833	Hoàng Hồng Tú	11 VĂN 2	25/08/2009	Nữ			
22	11000834	Nguyễn Hoàng Ngọc Tú	11 VĂN 2	21/05/2009	Nữ			
23	11000835	Phạm Minh Tú	11 A1	18/01/2009	Nam			
24	11000836	Lê Ngọc Tuấn	11 TOÁN	13/01/2009	Nam			
25	11000837	NGUYỄN ANH TUẤN	11 SINH 2	18/04/2009	Nam			
26	11000838	Nguyễn Mạnh Tuấn	11 SINH 1	29/01/2009	Nam			
27	11000839	Vũ Lê Anh Tuấn	11 TIN	26/06/2009	Nam			
28	11000840	Vũ Trần Anh Tuấn	11 SINH 1	17/02/2009	Nam			

Số HS vắng:
 SBD HS vắng:
 Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
 GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -31

Phòng thi số: 31 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000841	Nguyễn Ích Tuệ	11 ANH 1	19/02/2009	Nam			
2	11000842	Nguyễn Minh Tuệ	11 PHÁP	16/03/2009	Nam			
3	11000843	Đàm Hải Tùng	11 A2	07/07/2009	Nam			
4	11000844	Đặng Quang Tùng	11 LÝ	15/10/2009	Nam			
5	11000845	Mai Chí Tùng	11 TOÁN	12/01/2009	Nam			
6	11000846	Nguyễn Anh Tùng	11 LÝ	20/02/2009	Nam			
7	11000847	Nguyễn Bách Tùng	11 LÝ	24/07/2009	Nam			
8	11000848	Nguyễn Hoàng Tùng	11 PHÁP	05/12/2009	Nam			
9	11000849	Nguyễn Sỹ Huy Tùng	11 A3	20/10/2009	Nam			
10	11000850	Nguyễn Thanh Tùng	11 PHÁP	09/10/2009	Nam			
11	11000851	Lê Nguyễn Phương Uyên	11 VĂN 1	21/10/2009	Nữ			
12	11000852	Nguyễn Phương Uyên	11 D1	03/01/2009	Nữ			
13	11000853	Phạm Hà Uyên	11 ANH 1	08/10/2009	Nữ			
14	11000854	Phạm Hoàng Uyên	11 ĐỊA 2	19/02/2009	Nữ			
15	11000855	Đàm Thanh Vân	11 VĂN 2	15/10/2009	Nữ			
16	11000856	Tạ Khánh Vân	11 ANH 1	20/01/2009	Nữ			
17	11000857	Vũ Ngọc Vân	11 VĂN 1	18/07/2009	Nữ			
18	11000858	Đào Tường Vi	11 SỬ 1	06/02/2009	Nữ			
19	11000859	Nguyễn Bảo Vi	11 A1	29/04/2009	Nữ			
20	11000860	Trần Triệu Vi	11 SỬ 2	21/11/2009	Nữ			
21	11000861	Vũ Nguyễn Trí Vĩ	11 A1	11/11/2009	Nam			
22	11000862	Đỗ Minh Việt	11 A3	30/01/2009	Nam			
23	11000863	Lê Quốc Việt	11 LÝ	26/01/2009	Nam			
24	11000864	Nguyễn Hải Việt	11 LÝ	13/04/2009	Nam			
25	11000865	Nguyễn Hoàng Nam Việt	11 ANH 2	17/12/2009	Nam			
26	11000866	Cao Vũ Tuấn Vinh	11 I1	14/12/2009	Nam			
27	11000867	Chữ Gia Vinh	11 ANH 1	15/04/2009	Nam			
28	11000868	Đình Thế Vinh	11 I2	06/10/2009	Nam			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA ĐGNL
NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐGNL 11 -32

Phòng thi số: 32 môn ĐGNL 11

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	11000869	Lê Phúc Vinh	11 TOÁN	30/04/2009	Nam			
2	11000870	Nguyễn Thành Vinh	11 SINH 2	30/04/2009	Nam			
3	11000871	Nguyễn Cảnh Minh Vũ	11 NHẬT	20/07/2009	Nam			
4	11000872	Phạm Khoa Vũ	11 SONG NGŨ	23/02/2009	Nam			
5	11000873	Nguyễn Bảo Vy	11 NHẬT	25/06/2009	Nữ			
6	11000874	Nguyễn Hà Vy	11 VĂN 2	03/04/2009	Nữ			
7	11000875	Nguyễn Mai Vy	11 SINH 1	21/10/2009	Nữ			
8	11000876	Nguyễn Ngọc Diệu Vy	11 VĂN 2	15/12/2009	Nữ			
9	11000877	Nguyễn Ninh Khánh Vy	11 D2	24/01/2009	Nữ			
10	11000878	Nguyễn Dương Hải Yến	11 PHÁP	27/10/2009	Nữ			

Số HS vắng:
SBD HS vắng:
Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)